Số: 83/2025/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2025-12-31T16:22:03+07:00

PHỤ LỤC I.

BIỂU MẪU KẾT QUẢ ĐIỀU TRA ĐA DẠNG SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Kết quả điều tra hệ sinh thái rừng
Mẫu số 02	Kết quả điều tra hệ sinh thái đất ngập nước
Mẫu số 03	Kết quả điều tra hệ sinh thái rạn san hô
Mẫu số 04	Kết quả điều tra hệ sinh thái thảm cỏ biển
Mẫu số 05	Kết quả điều tra xác định loài sinh vật
Mẫu số 06	Kết quả điều tra loài và số lượng cá thể loài trong cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
Mẫu số 07	Kết quả điều tra nguồn gen

Mẫu số 01.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA HỆ SINH THÁI RỪNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ: ;

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết các phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……
……

III. KẾT QUẢ

Đơn vị tính: ha

TT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	**Rừng tự nhiên theo nguồn gốc hình thành**		
1.1	*Rừng tự nhiên nguyên sinh*		
1.2	*Rừng tự nhiên thứ sinh*[2]		
2	**Rừng theo điều kiện lập địa**		
2.1	*Rừng núi đất*[3]		
2.2	*Rừng núi đá*[4]		
2.3	*Rừng ngập nước thường xuyên hoặc định kỳ*		
2.3.1	Rừng ngập mặn[5]		
2.3.2	Rừng ngập phèn[6]		
2.3.3	Rừng ngập ngọt[7]		
2.4	*Rừng đất cát*[8]		
3	**Tỉ lệ che phủ của rừng[9] (%)**		

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……
……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện	**Người thực hiện**
(Ký và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng
[2] Rừng tự nhiên thứ sinh, gồm: rừng thứ sinh phục hồi và rừng thứ sinh sau khai thác
[3] Rừng núi đất, gồm: rừng trên các đồi, núi đất.
[4] Rừng núi đá, gồm rừng trên núi đát hoặc trên những diện tích đá lộ đầu không có hoặc có rất ít đất trên bề mặt.
[5] Rừng ngập mặn, gồm: rừng ven bờ biển và các cửa sông có nước triều mặn ngập thường xuyên hoặc định kỳ
[6] Rừng ngập phèn, bao gồm: diện tích rừng trên đất ngập nước phèn, nước lợ
[7] Rừng ngập nước ngọt thường xuyên hoặc định kỳ.
[8] Rừng đất cát, gồm: rừng trên các cồn cát, bãi cát.
[9] Tỷ lệ che phủ rừng: Tỷ lệ phần trăm giữa diện tích rừng so với tổng diện tích đất tự nhiên trên phạm vi của trong khu vực điều tra, tại thời điểm điều tra.

Mẫu số 02.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA HỆ SINH THÁI ĐẤT NGẬP NƯỚC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……
……..
……

III. KẾT QUẢ

Đơn vị tính: ha

TT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Diện tích đất ngập nước		
1.1	*Diện tích đất ngập nước ven biển, ven đảo (nhóm I)*		
1.2	*Diện tích đất ngập nước nội địa (nhóm II)*		
1.3	*Diện tích dất ngập nước nhân tạo (nhóm III)*		
2.	Diện tích từng kiểu đất ngập nước ven biển, ven đảo (nhóm I)		
2.1	*Vùng biển nông ven bờ, bao gồm cả vũng, vịnh (Vbn)*		
2.2	*Thảm cỏ biển (Tcb)*		
2.3	*Rạn san hô (Rsh)*		
2.4	*Các vùng bờ biển có vách đá, kể cả vùng có vách đá ngoài khơi (Bvd)*		
2.5	*Bãi vùng gian triều, bao gồm cả bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát (Bgt)*		
2.6	*Vùng nước cửa sông (Vcs)*		
2.7	*Rừng ngập mặn (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng) (Rnm)*		
2.8	*Đầm, phá ven biển (Dp)*		
2.9	*Các-xtơ và hệ thống thủy văn ngầm ven biển, ven đảo (bao gồm cả thung hoặc tùng, áng) (Cvb)*		
3	Diện tích từng kiểu đất ngập nước nội địa (nhóm II)		
3.1	*Sông, suối có nước thường xuyên (Stx)*		
3.2	*Sông, suối có nước theo mùa (Stm)*		
3.3	*Hồ tự nhiên (Htn)*		
3.4	*Vùng đất than bùn có rừng, cây bụi hoặc không có thực vật che phủ (Tb)*		
3.5	*Vùng ngập nước có cây bụi chiếm ưu thế và ngập*		

[1]Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng

TT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
	nước theo mùa (Cb)		
3.6	*Vùng ngập nước có cây gỗ chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa (Cg)*		
3.7	*Suối, điểm nước nóng, nước khoáng (Snn)*		
3.8	*Hệ thống thủy văn ngầm các-xtơ và hang, động nội địa (Cnd)*		

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……
……
……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện
(Ký và đóng dấu)

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA HỆ SINH THÁI RẠN SAN HÔ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……
……
……

III. KẾT QUẢ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
1	Diện tích rạn san hô[2]	ha		
1.1	*Diện tích rạn 1*	*ha*		
1.2	*Diện tích rạn 2*	*ha*		
	….			
2	Độ phủ san hô sống[3]	%		
2.1	*Độ phủ san hô sống tại rạn 1*	*%*		
2.2	*Độ phủ san hô sống tại rạn 2*	*%*		
	….	*%*		

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……
……
……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện
(Ký và đóng dấu)

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng

[2] Diện tích rạn san hô: Tổng diện tích các rạn san hô trong khu vực điều tra, tại thời điểm điều tra

[3] Độ phủ san hô sống: Tỷ lệ phần trăm diện tích san hô sống của từng rạn san hô trong khu vực điều tra, tại thời điểm điều tra

Mẫu số 04.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA HỆ SINH THÁI THẢM CỎ BIỂN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……
……

III. KẾT QUẢ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
1	Diện tích thảm cỏ biển[2]	ha		
1	Độ phủ thảm cỏ biển[3]	%		

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……
……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện	**Người thực hiện**
(Ký và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng

[2] Diện tích thảm cỏ biển: Tổng diện tích thảm cỏ biển trong khu vực điều tra, tại thời điểm điều tra

[3] Độ phủ thảm cỏ biển: Tỷ lệ phần trăm diện tích cỏ biển bao phủ trong một khu vực xác định của khu vực điều tra, tại thời điểm điều tra

Mẫu số 05.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH LOÀI SINH VẬT

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ:
5. Mô tả vùng phân bố, nơi cư trú và tình trạng môi trường sống:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……...

III. KẾT QUẢ

Đơn vi tính: cá thể

TT[2]	Tên khoa học [3]	Tên Việt Nam[4]	Số lượng cá thể				Ghi chú
			Loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ[5]	Loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm [6]	Loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm[7]	Loài đặc hữu[8]	

Ghi chú:

[1] Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng

[2] Số thứ tự: được đánh số cho từng Danh lục theo các nhóm Động vật, Thực vật, Nấm (nếu có), Vi sinh vật (nếu có). Mỗi nhóm ngành được đánh số theo phân loại học (lớp, bộ, họ, chi, loài)

[3] Tên khoa học được sắp xếp theo ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài

[4] Tên Việt Nam tương ứng

[5] Số lượng cá thể loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: số lượng cá thể của từng loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong khu vực điều tra được kiểm đếm, thống kê tại thời điểm điều tra (danh sách loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ theo quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp).

[6] Số lượng cá thể loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm: số lượng cá thể của từng loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong khu vực điều tra được kiểm đếm, thống kê tại thời điểm điều tra (danh sách loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp).

[7] Số lượng cá thể loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm: số lượng cá thể ước tính của từng loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm trong hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển trong khu vực điều tra được kiểm đếm, thống kê tại thời điểm điều tra (danh sách loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuỷ sản).

[8] Số lượng cá thể loài đặc hữu: số lượng cá thể của từng loài đặc hữu trong khu vực điều tra được kiểm đếm, thống kê tại thời điểm điều tra.

TT[2]	Tên khoa học [3]	Tên Việt Nam[4]	Số lượng cá thể				Ghi chú
			Loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ[5]	Loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm [6]	Loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm[7]	Loài đặc hữu[8]	

.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện
(Ký và đóng dấu)

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LOÀI VÀ SỐ LƯỢNG CÁ THỂ LOÀI TRONG CƠ SỞ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……...

III. KẾT QUẢ

TT[2]	Tên khoa học[3]	Tên Việt Nam[4]	Số lượng[5] cá thể	Ghi chú

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện	**Người thực hiện**
(Ký và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Khu vực điều tra: tên của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được điều tra, địa chỉ chi tiết
[2] Số thứ tự: được đánh số cho từng Danh lục theo các nhóm Động vật, Thực vật, Nấm (nếu có), Vi sinh vật (nếu có). Mỗi nhóm ngành được đánh số theo phân loại học (lớp, bộ, họ, chi, loài)
[3] Tên khoa học được sắp xếp theo ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài
[4] Tên Việt Nam tương ứng
[5] Số lượng cá thể của từng loài trong cơ sở bảo tồn được kiểm đếm, thống kê tại thời điểm điều tra

Mẫu số 07.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGUỒN GEN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Khu vực điều tra[1] (Tên, địa chỉ):
2. Thời gian điều tra (Ngày bắt đầu đến ngày kết thúc hoạt động điều tra chỉ tiêu):
3. Tên đơn vị thực hiện điều tra:
4. Tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN2000): Vĩ độ: ; Kinh độ:

II. PHƯƠNG PHÁP *(Mô tả chi tiết phương pháp để thực hiện điều tra đối với chỉ tiêu này)*

……

III. KẾT QUẢ

TT[2]	Tên khoa học[3]	Tên Việt Nam[4]	Tính trạng đặc trưng[5]	Thông tin về lưu giữ kết quả giải mã trình tự gen/hệ gen[6]	Nơi lưu giữ nguồn gen[7]	Hình thức lưu giữ[8]	Ghi chú

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG *(Nếu có)*

……..

……

Ngày tháng năm....

Xác nhận của đơn vị thực hiện	**Người thực hiện**
(Ký và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Khu vực điều tra: khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, khu cảnh quan sinh thái quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng

[2] Số thứ tự: được đánh số cho từng Danh lục theo các nhóm nguồn gen Động vật, Thực vật, Nấm (nếu có), Vi sinh vật (nếu có). Mỗi nhóm ngành được đánh số theo phân loại học (lớp, bộ, họ, chi, loài, dưới loài)

[3] Tên khoa học của nguồn gen được sắp xếp theo ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài, dưới loài

[4] Tên Việt Nam tương ứng

[5] Tính trạng đặc trưng của nguồn gen: thông tin về đặc điểm sinh học đặc trưng biểu hiện ra bên ngoài (kiểu hình) của nguồn gen (có thể di truyền qua các thế hệ)

[6] Thông tin về lưu giữ kết quả giải mã trình tự gen/hệ gen, gồm: cá thể được giải mã gen, loại mẫu được giải mã (máu, mô,…), tên của gen/hệ gen được giải mã, phương pháp giải trình tự, thời gian giải trình tự gen/hệ gen, nơi lưu giữ kết quả giải mã trình tự gen/hệ gen

[7] Nơi lưu giữ nguồn gen: tên, địa chỉ đơn vị/tổ chức lưu giữ nguồn gen

[8] Hình thức lưu giữ nguồn gen: loài đang sống, mẫu được bảo quản trong phòng thí nghiệm, kết quả giải trình tự gen lưu giữ trong cơ sở dữ liệu.